

Hong Kong Junior Age Group Athletic Meet 2006--Race 2

Official Result (Boys C - Track)

			Boys C-60m		Heat			28/10/2006		(0850)		
Overall Pos.	Heat Pos.	Heat	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.	Team	Time	W.S.	Remark
1	1	2	TONG WAI CHUN	湯偉俊	BC	1008	93	1481C	WAC	7.62	+0.5	q
2	1	3	HO PING KWAN	何秉錕	BC	984	93		WAC	7.62	-0.1	q
3	1	1	CHAN YAM LAM	陳胤霖	BC	902	94		PAC	7.70	+0.4	q
4	2	3	CHAN MAN FUNG		BC	977	93		WAC	7.74	-0.1	q
5	2	2	CHU KWOK LUNG	朱國龍	BC	982	94		WAC	7.79	+0.5	q
6	1	5	CHAN KA CHEUK	陳嘉偉	BC	823	93		HSS	7.87	+0.7	q
7	2	5	LAM YUNG KWAN	林融均	BC	990	93		WAC	7.94	+0.7	q
8	1	4	LI LUT YIN		BC	997	94		WAC	7.97	-0.2	q
9	2	4	LAM HO MAN	林皓文	BC	989	93	4350C	WAC	8.06	-0.2	
10	2	1	LAW SIU KIT		BC	992	93		WAC	8.29	+0.4	
11	3	2	LEE KA HO	李嘉豪	BC	994	94		WAC	8.29	+0.5	
12	3	3	YAU KA LONG		BC	1020	94		WAC	8.66	-0.1	
13	3	5	LAW KA KUI	羅家駒	BC	860	94		LCW	8.72	+0.7	
14	3	4	CHAN YAU WAH		BC	978	93		WAC	8.75	-0.2	
15	3	1	PANG KAM FUNG	彭錦鋒	BC	1002	94		WAC	8.76	+0.4	
16	4	2	CHAN HOI CHUN		BC	973	94		WAC	8.76	+0.5	
17	5	2	LEUNG HUI SAN	梁曉燊	BC	845	94		JCTIC	8.77	+0.5	
18	4	3	LI KA CHUN	李嘉晉	BC	996	94		WAC	8.77	-0.1	
19	5	3	NG TIN NAP	吳天納	BC	847	93		JCTIC	8.78	-0.1	
20	4	1	LAI MAN HIM	黎文謙	BC	843	94		JCTIC	8.80	+0.4	
21	4	5	CHEUNG KA TO	張家韜	BC	980	94		WAC	8.83	+0.7	
22	5	5	YEUNG WEI FAT		BC	1022	93		WAC	8.86	+0.7	
23	5	1	CHO SHUN HO		BC	981	94		WAC	9.01	+0.4	
24	4	4	LAM KIT FAN	林傑勛	BC	896	94		NWCSS	9.01	-0.2	
25	6	1	WONG CHI	黃智	BC	863	94		LCW	9.08	+0.4	
26	6	5	TSANG CHUN HUNG	曾俊雄	BC	901	94		NWCSS	9.23	+0.7	
27	6	2	WONG LAI YIN	黃偉賢	BC	865	94		LCW	9.33	+0.5	
28	6	3	LEUNG MAN LOK	梁文樂	BC	907	94		RS	9.67	-0.1	
29	7	2	LEE KEI HIN	李其憲	BC	906	94		RS	9.70	+0.5	
30	5	4	MA KONG WAH	麥江華	BC	805	94		CLBPS	9.85	-0.2	
31	6	4	LI WAI TO	李蔚濤	BC	908	94		RS	10.12	-0.2	
32	7	3	FUNG SIU KWAN	馮兆均	BC	877			LSCAC	10.32	-0.1	
33	7	4	CHENG KA FUNG	鄭家鋒	BC	855	94		KTS	10.45	-0.2	

			Boys C-60m		Final			28/10/2006		(1345)		
Overall Pos.	Lane	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.	Team	Time	W.S.	Remark	
1	4	TONG WAI CHUN	湯偉俊	BC	1008	93	1481C	WAC	7.39	+0.6	AGR	
2	3	CHAN YAM LAM	陳胤霖	BC	902	94		PAC	7.61	+0.6		
3	6	CHAN MAN FUNG		BC	977	93		WAC	7.62	+0.6		
4	5	HO PING KWAN	何秉錕	BC	984	93		WAC	7.69	+0.6		
5	2	CHU KWOK LUNG	朱國龍	BC	982	94		WAC	7.72	+0.6		
6	8	LI LUT YIN		BC	997	94		WAC	7.87	+0.6		
7	7	CHAN KA CHEUK	陳嘉偉	BC	823	93		HSS	7.98	+0.6		
8	1	LAM YUNG KWAN	林融均	BC	990	93		WAC	11.39	+0.6		

			Boys C-100m		Heat			29/10/2006		(1130)		
Overall Pos.	Heat Pos.	Heat	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.	Team	Time	W.S.	Remark
1	1	9	TONG WAI CHUN	湯偉俊	BC	1008	93	1481C	WAC	11.80	+1.6	q,AGR
2	1	1	CHAN YAM LAM	陳胤霖	BC	902	94		PAC	11.85	+0.8	q
3	1	4	CHAN MAN FUNG		BC	977	93		WAC	12.17	+1.0	q
4	1	6	CHU KWOK LUNG	朱國龍	BC	982	94		WAC	12.22	+1.8	q
5	2	6	LUI CHUN YAN	呂俊人	BC	999	93		WAC	12.29	+1.8	q
6	2	4	CHOI KA WING	蔡家榮	BC	836	93		JCTIC	12.42	+1.0	q
7	1	7	HO PING KWAN	何秉錕	BC	984	93		WAC	12.50	+1.2	q
8	2	1	TSUI KA CHUN	徐嘉駿	BC	1009	94		WAC	12.55	+0.8	q
9	1	2	TSANG KONG SANG	曾港生	BC	971	93		TSWMC	12.58	+1.6	
10	3	1	TANG KING SHING	鄧景盛	BC	861	93		LCW	12.68	+0.8	
11	4	1	TONG CHUN SIN	唐真善	BC	802	93		CGHCAC	12.71	+0.8	
12	1	3	WONG JI ON	黃澆安	BC	872	93		LKCC	12.71	+0.8	
13	1	8	CHAN KA CHEUK	陳嘉偉	BC	823	93		HSS	12.84	+0.4	
14	2	9	LAM HO MAN	林皓文	BC	989	93	4350C	WAC	12.88	+1.6	
15	3	6	HUI WANG FUNG	許宏鋒	BC	814	94		FKISS	13.09	+1.8	
16	4	6	CHAN CHING LAM	陳正霖	BC	889	93		NWCSS	13.10	+1.8	
17	2	2	CHOI MAN FAI	蔡文輝	BC	868	93		LKCC	13.12	+1.6	
18	3	2	SHUM PAK SUM	岑柏森	BC	950	93		SLCSS	13.15	+1.6	

Hong Kong Junior Age Group Athletic Meet 2006--Race 2

Official Result (Boys C - Track)

Boys C-100m			Heat		29/10/2006			(1130)				
Overall Pos.	Heat Pos.	Heat	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.	Team	Time	W.S.	Remark
19	3	9	KAM LONG WAI RYAN	甘朗為	BC	856	94		KTS	13.33	+1.6	
20	4	9	CHAU LOK YIN	陳洛賢	BC	828	93		HTSS	13.34	+1.6	
21	2	7	HO KING FUNG	何景峰	BC	852	93		KHSS	13.66	+1.2	
22	2	8	KWAN CHUN MING	關俊銘	BC	987	94		WAC	13.78	+0.4	
23	5	1	LEUNG YIU CHO	梁耀祖	BC	949	93		SLCSS	13.81	+0.8	
24	5	9	CHAN CHAK HIN	陳澤軒	BC	968	93		TSWMC	13.88	+1.6	
25	3	7	CHEUNG HANG KIN	張行健	BC	924	93		SHDC	13.91	+1.2	
26	4	2	LEE HO YIN		BC	993	94		WAC	13.93	+1.6	
27	1	5	LI TIN LUN		BC	998	94		WAC	14.00	-0.5	
28	4	7	SO CHUN HONG	蘇進康	BC	819	93		FK1SS	14.04	+1.2	
29	6	9	YIU CHEUK WING	姚卓榮	BC	937	93		SHDC	14.10	+1.6	
30	2	3	CHAN HOI CHUN		BC	973	94		WAC	14.14	+0.8	
31	2	5	CHEUNG KA TO	張家韜	BC	980	94		WAC	14.16	-0.5	
32	5	7	HO KA LOK	何家洛	BC	894	93		NWCSS	14.16	+1.2	
33	6	7	LUI LONG YIN	呂朗言	BC	964	93	1066C	TCAA	14.26	+1.2	
34	3	8	NG TING LOK	吳庭樂	BC	965	94	1055C	TCAA	14.32	+0.4	
35	4	8	LAM CHEUK FUNG	林卓峰	BC	854	94		KHSS	14.33	+0.4	
36	5	8	LAM KIT FAN	林傑助	BC	896	94		NWCSS	14.48	+0.4	
37	5	5	NGAN CHUN YIN	顏晉彥	BC	878	94		LSCAC	14.62	-0.5	
38	6	8	LI KA HO	李家豪	BC	928	93		SHDC	14.62	+0.4	
39	7	9	TSANG CHUN HUNG	曾俊雄	BC	901	94		NWCSS	15.15	+1.6	
40	5	2	WONG TANG CHIU	黃騰超	BC	832	94		HTY	15.23	+1.6	
41	6	1	LO KWAN YU	盧鈞裕	BC	970	93		TSWMC	15.58	+0.8	
42	3	3	LEE KEI HIN	李其憲	BC	906	94		RS	16.19	+0.8	
43	5	6	LEE NOK HIN	李諾軒	BC	916	94		SCGMC	16.25	+1.8	
44	4	5	FUNG LONG YIN	馮朗賢	BC	838	94		JCTIC	16.62	-0.5	
45	5	5	TSANG JUN KIT	曾俊傑	BC	910	94		RS	16.70	-0.5	
46	3	4	LI WAI TO	李蔚濤	BC	908	94		RS	17.13	+1.0	

Boys C-100m			Final		29/10/2006			(1450)			
Overall Pos.	Lane	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.	Team	Time	W.S.	Remark
1	4	TONG WAI CHUN	湯偉俊	BC	1008	93	1481C	WAC	11.62	+1.5	AGR
2	5	CHAN YAM LAM	陳胤霖	BC	902	94		PAC	11.69	+1.5	AGR
3	6	CHU KWOK LUNG	朱國龍	BC	982	94		WAC	12.28	+1.5	
4	2	LUI CHUN YAN	呂俊人	BC	999	93		WAC	12.37	+1.5	
4	3	CHAN MAN FUNG		BC	977	93		WAC	12.37	+1.5	
6	1	HO PING KWAN	何秉錕	BC	984	93		WAC	12.39	+1.5	
7	7	CHOI KA WING	蔡家榮	BC	836	93		JCTIC	12.58	+1.5	
7	8	TSUI KA CHUN	徐嘉駿	BC	1009	94		WAC	12.58	+1.5	

Boys C-200m			Heat		28/10/2006			(1100)				
Overall Pos.	Heat Pos.	Heat	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.	Team	Time	W.S.	Remark
1	1	1	CHAN YAM LAM	陳胤霖	BC	902	94		PAC	23.60	+2.5	q
2	2	1	TONG WAI CHUN	湯偉俊	BC	1008	93	1481C	WAC	24.59	+2.5	q
3	1	7	CHU KWOK LUNG	朱國龍	BC	982	94		WAC	24.99	-0.8	q
4	3	1	HO PING KWAN	何秉錕	BC	984	93		WAC	25.29	+2.5	q
5	1	4	CHAN MAN FUNG		BC	977	93		WAC	25.52	+0.3	q
6	4	1	CHOI KA WING	蔡家榮	BC	836	93		JCTIC	25.54	+2.5	q
7	1	6	LI LUT YIN		BC	997	94		WAC	25.71	-0.9	q
8	1	2	TSUI KA CHUN	徐嘉駿	BC	1009	94		WAC	25.77	+0.9	q
9	2	2	TSANG KONG SANG	曾港生	BC	971	93		TSWMC	26.19	+0.9	
10	1	3	WONG JI ON	黃澆安	BC	872	93		LKKC	26.30	+2.7	
11	3	2	CHOI MAN FAI	蔡文輝	BC	868	93		LKKC	26.54	+0.9	
12	1	5	TONG CHUN SIN	唐真善	BC	802	93		CGHCAC	26.86	+2.4	
13		7	SHUM PAK SUM	岑柏森	BC	950	93		SLCSS	26.86	-0.8	
14	2	4	PANG KING WAI	彭璟威	BC	931	93		SHDC	26.87	+0.3	
15	2	5	LAW SIU KIT		BC	992	93		WAC	27.19	+2.4	
16	4	2	LEUNG KWAN CHAM	梁鈞港	BC	903	94		PAC	27.59	+0.9	
17	3	7	KAM LONG WAI RYAN	甘朗為	BC	856	94		KTS	27.69	-0.8	
18	3	4	CHAN KA HONG	陳嘉康	BC	875	93		LKM	28.05	+0.3	
19	2	3	KWAN CHUN MING	關俊銘	BC	987	94		WAC	28.15	+2.7	
20	3	5	HO KING FUNG	何景峰	BC	852	93		KHSS	28.42	+2.4	
21	2	6	LEUNG YIU CHO	梁耀祖	BC	949	93		SLCSS	28.50	-0.9	
22	5	1	TANG TO	鄧濤	BC	967	93	1074C	TCAA	28.53	+2.5	
23	3	6	LAM CHEUK FUNG	林卓峰	BC	854	94		KHSS	28.81	-0.9	

Hong Kong Junior Age Group Athletic Meet 2006--Race 2

Official Result (Boys C - Track)

Boys C-200m			Heat		28/10/2006			(1100)	Time	W.S.	Remark
Overall Pos.	Heat Pos.	Heat	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.			
24	4	5	CHAN YAU WAH		BC	978	93		WAC	28.85	+2.4
25	4	7	SHIU YING WAI	邵英偉	BC	966	93	1096C	TCAA	28.92	-0.8
26	5	7	LI TIN LUN		BC	998	94		WAC	28.93	-0.8
27	4	4	YAU KA LONG		BC	1020	94		WAC	29.33	+0.3
28	3	3	WONG YAT SUM	黃一心	BC	849	93		JCTIC	29.38	+2.7
29	4	3	CHAN HOI CHUN		BC	973	94		WAC	29.51	+2.7
30	5	4	HON TING KIT	韓廷杰	BC	960	93		TCAA	29.77	+0.3
31	4	6	NG TING LOK	吳庭樂	BC	965	94	1055C	TCAA	30.01	-0.9
32	6	4	CHAN CHUN KIT	陳俊杰	BC	851	93		KHSS	30.07	+0.3
33	6	7	HO KA LOK	何家洛	BC	894	93		NWCSS	30.39	-0.8
34	5	5	YEUNG WEI FAT		BC	1022	93		WAC	30.96	+2.4
35	6	5	LAU CHUN YUEN	劉俊源	BC	947	93		SLCSS	31.79	+2.4
36	5	6	CHUNG MAN HO	鍾文浩	BC	804	93		CLBPS	32.07	-0.9
37	5	3	TANG PO WANG	鄧寶泓	BC	921	94		SCGMC	32.59	+2.7
38	6	6	CHEUNG HO YIN		BC	979	94		WAC	32.94	-0.9
39	5	2	HON CHIN HO	韓展豪	BC	985	93		WAC	33.18	+0.9
40	6	2	FUNG LONG YIN	馮朗賢	BC	838	94		JCTIC	35.00	+0.9
41	7	7	WAN KI PAN	尹麒斌	BC	806	94		CLBPS	35.16	-0.8

Boys C-200m			Final		28/10/2006			(1425)	Time	W.S.	Remark
Overall Pos.	Lane	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.	Team			
1	5	CHAN YAM LAM	陳胤霖	BC	902	94		PAC	23.63	+1.0	AGR
2	3	TONG WAI CHUN	湯偉俊	BC	1008	93	1481C	WAC	24.45	+1.0	
3	4	CHAN MAN FUNG		BC	977	93		WAC	24.79	+1.0	
4	6	CHU KWOK LUNG	朱國龍	BC	982	94		WAC	25.13	+1.0	
5	2	HO PING KWAN	何秉錕	BC	984	93		WAC	25.27	+1.0	
6	8	TSUI KA CHUN	徐嘉駿	BC	1009	94		WAC	25.80	+1.0	
	1	LI LUT YIN		BC	997	94		WAC	DNS		
	7	CHOI KA WING	蔡家榮	BC	836	93		JCTIC	DNS		

Boys C-400m			Heat		29/10/2006			(1005)	Time	Remark	
Overall Pos.	Heat Pos.	Heat	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.			Team
1	1	4	WONG KOON NAM	黃冠嵐	BC	1018	93	3595C	WAC	59.57	q
2	1	3	LEUNG KWAN CHAM	梁鈞港	BC	903	94		PAC	1.01.60	q
3	2	3	WONG TSZ FUNG	黃子鋒	BC	873	93		LKKC	1.02.74	q
4	1	2	CHAN KWAN HO	陳鈞灝	BC	922	93		SHDC	1.03.44	q
5	2	2	TANG CHEUK SING	鄧卓昇	BC	952	94		SLCSS	1.03.87	q
6	2	4	YIP WING TUNG	葉穎桐	BC	904	93		PAC	1.04.00	q
7	3	4	LAI TSZ HANG	黎子鏗	BC	815	93		FK1SS	1.04.25	q
8	4	4	WONG YUI CHING	王銳清	BC	874	93		LKKC	1.04.97	q
9	1	1	YUI SAI KIT	姚世傑	BC	821	94		FK1SS	1.05.85	
10	1	5	CHONG CHI HONG	莊智航	BC	941	93		SLCSS	1.06.30	
11	5	4	TANG TO	鄧濤	BC	967	93	1074C	TCAA	1.06.46	
12	2	1	LEUNG HUI SAN	梁曉燊	BC	845	94		JCTIC	1.06.73	
13	3	2	WONG YAT SUM	黃一心	BC	849	93		JCTIC	1.06.88	
14	4	2	CHAN CHI HIN	陳智軒	BC	822	93		HSS	1.07.22	
15	3	3	HON TING KIT	韓廷杰	BC	960	93		TCAA	1.07.59	
16	6	4	WONG SHUI ON	黃瑞安	BC	935	93		SHDC	1.09.33	
17	4	3	LUI CHING HIM	雷晴謙	BC	929	93		SHDC	1.09.69	
18	3	1	HO WAI TSUN	何偉俊	BC	944	94		SLCSS	1.09.86	
19	5	2	NG KWAN HO	吳君豪	BC	897	93		NWCSS	1.10.20	
20	4	1	KWAN HO YIN	關浩賢	BC	895	93		NWCSS	1.11.69	
21	2	5	CHIU CHONG FUNG	趙創鋒	BC	913	94		SCGMC	1.11.77	
22	5	1	CHUNG MAN HO	鍾文浩	BC	804	93		CLBPS	1.14.03	
23	5	3	CHAN KA CHUN	陳家俊	BC	807	94		CYCPM	1.14.43	
24	6	1	NG CHUN HIN	吳俊軒	BC	918	94		SCGMC	1.23.66	
25	6	2	WAN KI PAN	尹麒斌	BC	806	94		CLBPS	1.27.35	
26	3	5	CHAN PO CHI	陳溥智	BC	833	94		JCTIC	1.31.83	
27	4	5	WONG YUK HONG	黃旭康	BC	1019	94		WAC	1.38.99	
		1	CHU KWOK LUNG	朱國龍	BC	982	94		WAC	DNF	

Hong Kong Junior Age Group Athletic Meet 2006--Race 2

Official Result (Boys C - Track)

Boys C-400m			Final	29/10/2006			(1430)			
Overall Pos.	Lane	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.	Team	Time	Remark
1	4	WONG KOON NAM	黃冠嵐	BC	1018	93	3595C	WAC	59.03	
2	5	LEUNG KWAN CHAM	梁鈞港	BC	903	94		PAC	1.01.79	
3	3	WONG TSZ FUNG	黃子鋒	BC	873	93		LKKC	1.02.83	
4	7	YIP WING TUNG	葉穎桐	BC	904	93		PAC	1.02.98	
5	6	CHAN KWAN HO	陳鈞灝	BC	922	93		SHDC	1.03.00	
6	2	TANG CHEUK SING	鄧卓昇	BC	952	94		SLCSS	1.04.85	
7	8	WONG YUI CHING	王銳清	BC	874	93		LKKC	1.05.22	
8	1	LAI TSZ HANG	黎子鏗	BC	815	93		FK1SS	1.05.39	

Boys C-800m			Heat	28/10/2006			(0950)				
Overall Pos.	Heat Pos.	Heat	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.	Team	Time	Remark
1	1	2	TANG MAN WA	鄧敏華	BC	820	93		FK1SS	2.19.42	q
2	2	2	STEVEN ING		BC	1005	93		WAC	2.19.93	q
3	1	1	CHAN LONG TING		BC	976	94		WAC	2.21.83	q
4	3	2	FONG TING HIN	方霆軒	BC	983	93		WAC	2.25.03	q
5	2	1	CHIU CHUN SANG	趙俊生	BC	825	93		HSS	2.27.97	q
6	1	3	CHUNG YUEN YIU	仲元耀	BC	882	93		LSTC	2.29.55	q
7	3	1	FONG TSZ TUN	方祉敦	BC	883	93		LSTC	2.32.87	q
8	4	1	LAI TSZ HANG	黎子鏗	BC	815	93		FK1SS	2.33.66	q
9	4	2	CHAN SIU CHUNG	陳兆聰	BC	880	93		LSTC	2.34.77	
10	2	3	FONG YIU CHUN	方耀聰	BC	837	94		JCTIC	2.36.28	
11	5	2	CHAN CHING LAM	陳正霖	BC	889	93		NWCSS	2.37.18	
12	6	2	LEE KIN MAN	李健文	BC	948	93		SLCSS	2.39.02	
13	7	2	CHAN HOK MAN	陳學文	BC	974	96		WAC	2.39.05	
14	3	3	TAM HO MAN	譚皓文	BC	1006	93		WAC	2.39.82	
15	4	3	CHAN HON MAN	陳翰文	BC	975	96		WAC	2.41.70	
16	5	1	SHEA TUNG PU	佘東圃	BC	1004	93		WAC	2.45.66	
17	6	1	NG MING YIN	吳銘賢	BC	898	93		NWCSS	2.48.06	
18	5	3	TANG CHEUK SING	鄧卓昇	BC	952	94		SLCSS	2.49.09	
19	7	1	LAW ENOCH	羅以諾	BC	844	94		JCTIC	2.50.77	
20	6	3	YUI SAI KIT	姚世傑	BC	821	94		FK1SS	2.52.11	
21	7	3	CHAN KA CHUN	陳家進	BC	891	93		NWCSS	2.54.20	
22	8	1	HO WAI TSUN	何偉俊	BC	944	94		SLCSS	2.55.83	
23	8	2	CHAN WING CHUN	陳穎駿	BC	834	93		JCTIC	3.10.11	
24	8	3	LO KWAN YU	盧鈞裕	BC	970	93		TSWMC	3.15.17	
25	9	1	TAM KING MAN	譚景文	BC	1007	96		WAC	3.16.13	
26	9	3	NG CHUN HIN	吳俊軒	BC	918	94		SCGMC	3.16.79	
27	10	1	CHAN CHEUK MAN	陳卓文	BC	972	95		WAC	3.35.65	

Boys C-800m			Final	28/10/2006			(1355)			
Overall Pos.	Lane	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.	Team	Time	Remark
1	4	TANG MAN WA	鄧敏華	BC	820	93		FK1SS	2.17.94	
2	5	STEVEN ING		BC	1005	93		WAC	2.19.07	
3	3	CHAN LONG TING		BC	976	94		WAC	2.19.08	
4	2	CHIU CHUN SANG	趙俊生	BC	825	93		HSS	2.24.95	
5	6	FONG TING HIN	方霆軒	BC	983	93		WAC	2.29.87	
6	7	CHUNG YUEN YIU	仲元耀	BC	882	93		LSTC	2.31.51	
7	1	FONG TSZ TUN	方祉敦	BC	883	93		LSTC	2.33.80	
8	8	LAI TSZ HANG	黎子鏗	BC	815	93		FK1SS	2.40.82	

Hong Kong Junior Age Group Athletic Meet 2006--Race 2

Official Result (Boys C - Track)

			Boys C-1500m		Final		29/10/2006 (1545)				
Overall Pos.	Heat Pos.	Final	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.	Team	Time	Remark
1	1	2	STEVEN ING		BC	1005	93		WAC	4.45.23	
2	2	2	CHAN LONG TING		BC	976	94		WAC	4.50.04	
3	1	1	TANG MAN WA	鄧敏華	BC	820	93		FK1SS	4.55.36	
4	2	1	FONG TING HIN	方霆軒	BC	983	93		WAC	5.00.71	
5	3	1	LAU HOI CHI	劉海志	BC	1027	93		YLSC	5.02.01	
6	3	2	CHIU CHUN SANG	趙俊生	BC	825	93		HSS	5.03.89	
7	4	2	LEE CHEUK HIM	李卓謙	BC	871	93		LKCC	5.12.01	
8	5	2	LAU TAT HONG	劉達勁	BC	859	93		LCW	5.13.12	
9	13	1	CHAN WING CHUN	陳穎駿	BC	834	93		JCTIC	5.20.19	
10	4	1	TAM HO MAN	譚皓文	BC	1006	93		WAC	5.21.02	
11	5	1	CHAN HON MAN	陳翰文	BC	975	96		WAC	5.21.03	
12	6	1	CHOW TSZ CHUNG	周梓聰	BC	925	93		SHDC	5.22.94	
13	7	1	SHEA TUNG PU	佘東圃	BC	1004	93		WAC	5.23.09	
14	6	2	FONG YIU CHUN	方耀聰	BC	837	94		JCTIC	5.27.05	
15	7	2	CHAN HOK MAN	陳學文	BC	974	96		WAC	5.27.77	
16	8	1	LEE KIN MAN	李健文	BC	948	93		SLCSS	5.28.22	
17	8	2	WONG KA CHUN	黃家俊	BC	1026	93		YKY	5.29.13	
18	9	2	CHOW YIU PONG	蔡耀邦	BC	857	94		LCW	5.30.38	
19	10	2	CHENG CHI HONG	鄭志康	BC	923	93		SHDC	5.33.57	
20	11	2	KWOK TSZ WING	郭梓榮	BC	926	93		SHDC	5.33.74	
21	9	1	LAM MAN KEUNG	林文強	BC	858	93		LCW	5.42.27	
22	10	1	CHAN HO YAT	陳灝一	BC	890	93		NWCSS	5.51.14	
23	11	1	CHUI CHI CHUNG	趙智聰	BC	942	94		SLCSS	6.00.53	
24	12	1	LAW ENOCH	羅以諾	BC	844	94		JCTIC	6.01.86	
25	12	2	CHOW YUET SING	周悅勝	BC	892	93		NWCSS	6.10.55	
26	13	2	LO YUK LUN	盧玉麟	BC	817	94		FK1SS	6.18.52	
27	14	2	CUZEF MARCO PHILIPPE	古希哲	BC	943	94		SLCSS	6.34.12	
28	15	2	AU KA HANG	區嘉恒	BC	888	94		NWCSS	6.36.20	
29	14	1	LEUNG WAI SHING	梁瑋城	BC	816	93		FK1SS	6.39.75	
30	15	1	LAM MAN WAI	林萬維	BC	914	93		SCGMC	6.48.24	

			Boys C-100mH		Heat		29/10/2006 (0850)					
Overall Pos.	Heat Pos.	Heat	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.	Team	Time	W.S.	Remark
1	1	1	LUI CHUN YAN	呂俊人	BC	999	93		WAC	14.90	+1.9	q
2	1	4	TSUI TIT KIN	徐鐵堅	BC	1024	93		WWS	15.26	+1.3	q
3	2	4	KWOK WING TSUN	郭詠俊	BC	870	93		LKCC	17.05	+1.3	q
4	1	2	NG TIN NAP	吳天納	BC	847	93		JCTIC	17.41	+1.2	q
5	2	2	WONG WING FAI	王榮輝	BC	803	93		CGHCAC	17.62	+1.2	q
6	3	4	LAI KAI CHI	黎啓智	BC	945	93		SLCSS	18.24	+1.3	q
7	1	3	CHAN HO NAM	陳浩南	BC	939	93		SLCSS	18.60	+1.0	q
8	2	1	WONG KA CHUN	黃家俊	BC	1026	93		YKY	18.82	+1.9	q
9	2	3	MUI CHING YEUNG	梅政揚	BC	818	93		FK1SS	19.02	+1.0	
10	4	4	LAW SIU KIT		BC	992	93		WAC	19.35	+1.3	
11	3	3	CHAN CHAK HIN	陳澤軒	BC	968	93		TSWMC	19.36	+1.0	
12	3	1	LI KA YIU	李嘉堯	BC	801	93		CGHCAC	19.52	+1.9	
13	4	1	CHAN YAU WAH		BC	978	93		WAC	19.73	+1.9	
14	5	1	CHAN CHING LAM	陳正霖	BC	889	93		NWCSS	19.94	+1.9	
15	3	2	YEUNG CHUN HONG ANAKIN	楊鎮匡	BC	936	93		SHDC	20.15	+1.2	
16	5	4	LAI KA ON	黎嘉安	BC	842	93		JCTIC	20.40	+1.3	
17	6	4	LO KA YAT	盧家逸	BC	969	93		TSWMC	20.45	+1.3	
18	6	1	LAI MAN HIM	黎文謙	BC	843	94		JCTIC	21.24	+1.9	
19	7	4	TANG PO WANG	鄧寶泓	BC	921	94		SCGMC	21.63	+1.3	
20	7	1	LAU CHUN YUEN	劉俊源	BC	947	93		SLCSS	21.76	+1.9	
21	4	3	KWOK CHUN YIN	郭俊然	BC	869	93		LKCC	22.02	+1.0	
22	5	3	YEUNG WEI FAT		BC	1022	93		WAC	22.67	+1.0	
23	4	2	FONG KA CHUN	方嘉晉	BC	893	93		NWCSS	22.87	+1.2	
24	5	2	CHEUNG HO YIN		BC	979	94		WAC	23.16	+1.2	

Hong Kong Junior Age Group Athletic Meet 2006--Race 2

Official Result (Boys C - Track)

		Boys C-100mH		Final	29/10/2006			(1410)			
Overall Pos.	Lane	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.	Team	Time	W.S.	Remark
1	4	LUI CHUN YAN	呂俊人	BC	999	93		WAC	14.74	+1.7	
2	5	TSUI TIT KIN	徐鐵堅	BC	1024	93		WWS	14.82	+1.7	
3	3	KWOK WING TSUN	郭詠俊	BC	870	93		LKKC	16.14	+1.7	
4	6	NG TIN NAP	吳天納	BC	847	93		JCTIC	16.98	+1.7	
5	7	LAI KAI CHI	黎啓智	BC	945	93		SLCSS	17.16	+1.7	
6	2	WONG WING FAI	王榮輝	BC	803	93		CGHCAC	18.08	+1.7	
7	8	WONG KA CHUN	黃家俊	BC	1026	93		YKY	18.23	+1.7	
8	1	CHAN HO NAM	陳浩南	BC	939	93		SLCSS	20.27	+1.7	

		Boys C-4X100m		Final	28/10/2006			(1555)			
Overall Pos.	Heat Pos.	Final	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.	Team	Time	Remark
1	1	2	WAC-B		BC				WAC	47.30	
2	2	2	FK1SS		BC				FK1SS	51.23	
3	1	1	WAC-A		BC				WAC	51.71	
4	2	1	JCTIC-A		BC				JCTIC	54.00	
5	3	1	WAC-C		BC				WAC	54.60	
6	3	2	NWCSS		BC				NWCSS	55.10	
7	4	1	SHDC		BC				SHDC	55.18	
8	4	2	JCTIC-B		BC				JCTIC	57.72	
9	5	2	SCGMC		BC				SCGMC	1.02.86	
10	5	1	RS		BC				RS	1.02.96	
		2	SLCSS		BC				SLCSS	DQ	

		Boys C-4X400m		Final	29/10/2006			(1635)			
Overall Pos.	Lane	Name	姓名	Cat.	Race No.	YOB	HKAAA NO.	Team	Time	Remark	
1	3	WAC-C		BC				WAC	3.57.65		
2	7	FK1SS		BC				FK1SS	4.18.73		
3	4	JCTIC		BC				JCTIC	4.26.43		
4	5	SHDC		BC				SHDC	4.37.13		
5	2	WAC-A		BC				WAC	4.42.93		
6	1	NWCSS		BC				NWCSS	4.43.56		
7	6	WAC-B		BC				WAC	5.06.97		
8	8	SCGMC		BC				SCGMC	5.21.63		